

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2010/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc nhóm nghề Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Quản trị dịch vụ, giải trí, thể thao; Quản trị du lịch Mice; Quản trị khu Resort;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng:

Thông tư này quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là Cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị dịch vụ, giải trí, thể thao” (Phụ lục 1);
2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị du lịch Mice” (Phụ lục 2);
3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị khu Resort” (Phụ lục 3).

Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề:

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký;
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đàm Hữu Đắc

Phụ lục 1**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO
NGHỀ “QUẢN TRỊ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ, THỂ THAO”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 1A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao

Mã nghề: 40810106

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định
của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Mô tả được vị trí, vai trò, các đặc điểm cơ bản của nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao;

+ Trình bày được vai trò và tác động của các dịch vụ giải trí, thể thao đến hoạt động du lịch và đời sống xã hội;

+ Trình bày được các nguyên tắc, yêu cầu, quy trình nghiệp vụ cơ bản trong các nhiệm vụ của nghề;

+ Trình bày được các nội dung có liên quan đến quản trị nói chung và quản trị dịch vụ giải trí, thể thao nói riêng như: Quản trị học, marketing căn bản, quản trị doanh nghiệp;

+ Mô tả được các nội dung kiến thức cần thiết có liên quan đến nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao như: tâm lý khách du lịch, giao tiếp trong kinh doanh, ngoại ngữ chuyên ngành, tin học ứng dụng, marketing dịch vụ;

+ Mô tả, trình bày được các nguyên tắc, nội dung, quy trình cơ bản của các nghiệp vụ có liên quan đến nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao như: Nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ lưu trú, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ hướng dẫn;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất; Các kiến thức về tin học, ngoại ngữ;

+ Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu trong các hoạt động của quá trình tổ chức dịch vụ giải trí, thể thao, mô tả được công dụng và những điểm cần chú ý của chúng khi sử dụng;

- Kỹ năng:

+ Khảo sát thu thập thông tin cho công tác nghiên cứu nhu cầu du lịch nói chung và nhu cầu về dịch vụ thể thao, giải trí nói riêng;

+ Đọc và hiểu được các chương trình giải trí, thể thao;

+ Lập được kế hoạch chi tiết cho một số khâu trong quá trình tổ chức dịch vụ giải trí, thể thao;

+ Lập kế hoạch tổng thể cho hoạt động tổ chức các dịch vụ giải trí, thể thao ở quy mô nhỏ;

+ Đọc và hiểu được bản dự toán kinh phí cho từng chương trình;

+ Tham gia thực hiện các công việc về quảng bá và xúc tiến bán dịch vụ;

+ Soạn thảo được một số loại hợp đồng và tham gia ký kết hợp đồng với các nhà cung ứng dịch vụ bổ trợ (dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, an ninh) phối hợp thực hiện trong quá trình cung ứng dịch vụ; kiểm tra, đánh giá quá trình cung ứng các dịch vụ bổ trợ;

+ Tham gia tổ chức, điều hành một số nội dung trong quá trình thực hiện dịch vụ giải trí, thể thao;

+ Dự tính, hạn chế các tình huống phát sinh trong lĩnh vực mà mình tham gia;

+ Có khả năng phân tích đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các tình huống trong quá trình tổ chức các dịch vụ;

+ Đưa ra được các quyết định kỹ thuật trong phạm vi giới hạn chuyên môn đã được đào tạo;

+ Lập được các bản thống kê chi tiết các khoản mục chi phí thực tế phát sinh trong phạm vi chuyên môn được phân công;

+ Thực hiện được việc thanh quyết toán trong phạm vi công việc của mình;

+ Đảm bảo vệ sinh, an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

+ Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự;

+ Trong môi trường lao động nghề nghiệp, có khả năng tổ chức công việc và tham gia làm việc theo nhóm nhỏ, có khả năng phối hợp với những vị trí khác có liên quan trong công việc;

+ Có khả năng kiểm tra, giám sát chuyên môn đối với nhân viên tác nghiệp, các nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ, khách hàng trong phạm vi giới hạn chuyên môn được đào tạo;

+ Có khả năng sử dụng ngoại ngữ tương đối thành thạo trong giao tiếp thông thường và trong một số hoạt động cụ thể của nghề quản trị dịch vụ giải trí thể thao;

+ Có được khả năng làm việc độc lập, biết ứng dụng kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho tổ chức sự kiện; có đạo đức, sức khỏe, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có ý thức chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.

+ Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;

+ Hiểu biết các kiến thức phổ thông về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao, biết cách áp dụng vào việc tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Xây dựng được lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, có những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Hiểu và vận dụng được một số kiến thức về kỹ năng quân sự ban đầu làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ Quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, học sinh có được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đảm đương được các vị trí:

- Nhân viên quản lý cấp thấp;
- Nhân viên điều hành chương trình;
- Nhân viên tác nghiệp của các dịch vụ giải trí, thể thao trong các doanh nghiệp có lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian của khóa học: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1665 giờ; Thời gian học tự chọn: 675 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 666 giờ; Thời gian học thực hành: 1674 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập và các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1665	399	1137	129
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	465	180	255	30
MH 07	Tổng quan về dịch vụ giải trí, thể thao trong du lịch	45	27	15	3
MH 08	Tâm lý khách du lịch	45	27	15	3
MĐ 09	Giao tiếp trong kinh doanh	45	15	27	3
MH 10	Marketing căn bản	45	36	6	3
MH 11	Quản trị học	45	30	12	3
MH 12	Ngoại ngữ chuyên ngành cơ sở	240	45	180	15
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1200	219	882	99
MĐ 13	Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao	120	30	78	12
MH 14	Marketing dịch vụ	45	27	15	3
MH 15	Quản trị doanh nghiệp	45	30	12	3

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 16	Nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao	120	42	69	9
MĐ 17	Tổ chức dịch vụ giải trí	60	30	24	6
MĐ 18	Tổ chức dịch vụ thể thao	60	30	24	6
MH 19	Thực hành nghiệp vụ (tại cơ sở hoặc tại trường)	330	15	285	30
MH 20	Thực hành nghề chuyên sâu (tại cơ sở)	420	15	375	30
	Tổng cộng	1875	505	1224	146

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Tổng thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn là 675 giờ chiếm 28,8% tổng số thời gian thực học tối thiểu dành cho các môn học đào tạo nghề (2340 giờ);

- Để xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cũng dựa trên phân tích công việc như đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 21	Văn hóa Việt Nam	45	30	12	3
MĐ22	Tin học ứng dụng	45	15	27	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Nghiệp vụ văn phòng	45	15	28	2
MĐ 24	Nghiệp vụ lễ tân	90	30	50	10
MĐ 25	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	28	2
MH 26	Môi trường và an ninh - an toàn	45	30	12	3
MH 27	Nghiệp vụ lưu trú	45	15	28	2
MĐ 28	Nghiệp vụ nhà hàng	90	30	50	10
MĐ 29	Nghiệp vụ hướng dẫn	90	30	50	10
MĐ 30	Nghiệp vụ lễ hành	90	30	50	10
MH 31	Địa lý và tài nguyên du lịch	45	27	15	3
MH 32	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	30	12	3
MH 33	Pháp luật kinh tế	45	42	-	3
MĐ 34	Kỹ thuật trang trí và cắm hoa	45	15	27	3
MH 35	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	15	27	3
MH 36	Văn hóa ẩm thực	45	15	27	3
MĐ 37	Chuyên đề tự chọn về các nghiệp vụ bổ trợ	45	15	27	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ví dụ: bảng dưới đây là danh mục các môn học, mô đun tự chọn mang tính chất giới thiệu, định hướng cho các Cơ sở dạy nghề khi xây dựng chương trình đào tạo nghề:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 21	Văn hóa Việt Nam	45	30	12	3
MH 22	Tin học ứng dụng	45	15	27	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Nghiệp vụ văn phòng	45	15	28	2
MĐ 24	Nghiệp vụ lễ tân	90	30	50	10
MĐ 25	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	28	2
MH 26	Môi trường và an ninh - an toàn	45	30	12	3
MH 27	Nghiệp vụ lưu trú	45	15	28	2
MĐ 28	Nghiệp vụ nhà hàng	90	30	50	10
MĐ 29	Nghiệp vụ hướng dẫn	90	30	50	10
MĐ 30	Nghiệp vụ lễ hành	90	30	50	10
MH 31	Địa lý và tài nguyên du lịch	45	27	15	3
Tổng cộng		675	267	350	58

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Chọn các môn học, mô đun sao cho đảm bảo quỹ thời gian thực học tự chọn tối thiểu quy định trong chương trình khung;

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của mình như:

+ Nhu cầu của học sinh (nhu cầu của các doanh nghiệp);

+ Trình độ đội ngũ giáo viên;

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể chọn tổ hợp các môn học, mô đun trong số các môn học tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn và bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn bổ sung sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 675 giờ chiếm 28,8% tổng thời gian các môn học đào tạo nghề (trong đó có tối đa 270 giờ lý thuyết).

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 4 giờ.

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: Nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao - Thực hành nghề: Tổ chức dịch vụ giải trí/Tổ chức dịch vụ thể thao	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 học sinh) Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành) dùng khi không tổ chức thi Lý thuyết nghề và Thực hành nghề	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

09555427

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Cần căn cứ vào các nội dung chính trong đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô đun để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học, mô đun đó cụ thể là:

- + Mục tiêu môn học, mô đun;
- + Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà học sinh phải học;
- + Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;
- + Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề:

Tất cả các môn học đào tạo nghề khi kết thúc môn học, mô đun đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- + Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành;
- + Thời gian kiểm tra: Lý thuyết: Không quá 120 phút; Thực hành: Không quá 8 giờ;
- + Mỗi môn học có từ 02 đơn vị học trình (cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình) trở lên sẽ có một bài kiểm tra hết môn (gọi là bài kiểm tra lý thuyết);
- + Thời gian làm bài kiểm tra hết môn: tối đa là 120 phút;
- + Bài kiểm tra hết môn có:
 - Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong khoảng từ 1 đến 5 phút;
 - Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.
- Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung phần thực hành nghề tại cơ sở:
 - + Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;
 - + Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung Học sinh đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;
 - + Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo ba hướng sau:
 - Học sinh thực hành tại các doanh nghiệp có kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao, có công việc phù hợp với nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ đang làm việc tại các cơ sở) học sinh;
 - Thực hành các nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao (có giáo viên hướng dẫn) theo các chuyên đề riêng như: tổ chức dịch vụ giải trí, tổ chức dịch vụ thể thao;
 - Kết hợp cả hai hình thức nói trên.
 - + Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở, thực hành nghề chuyên sâu cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện từng Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

Phụ lục 1B**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao

Mã nghề: 50810106

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Mô tả và phân tích được vị trí, vai trò, các đặc điểm cơ bản của nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao;

+ Phân tích được vai trò và tác động của các dịch vụ giải trí, thể thao đến hoạt động du lịch và đời sống xã hội;

+ Trình bày và phân tích được các nguyên tắc, yêu cầu, quy trình nghiệp vụ cơ bản trong các nhiệm vụ của nghề;

+ Trình bày và phân tích được các nội dung có liên quan đến quản trị nói chung và quản trị dịch vụ giải trí, thể thao nói riêng như: Quản trị học, marketing căn bản, quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân lực, tài chính doanh nghiệp;

+ Mô tả được các nội dung kiến thức cần thiết có liên quan đến nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao như: Tâm lý khách du lịch, giao tiếp trong kinh doanh, văn hóa Việt Nam, ngoại ngữ chuyên ngành, tin học ứng dụng, marketing dịch vụ;

+ Mô tả và phân tích được các nguyên tắc, nội dung, quy trình cơ bản của các nghiệp vụ có liên quan đến nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao như: Nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ lưu trú, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ hướng dẫn, nguyên lý kế toán, kỹ thuật trang trí cắm hoa;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, giáo dục thể chất; Các kiến thức về tin học, ngoại ngữ;

- + Tổng hợp hóa và khái quát hóa được hệ thống kiến thức có liên quan đến nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao;
- + Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu trong các hoạt động của quá trình tổ chức dịch vụ giải trí, thể thao, mô tả được công dụng và những điểm cần chú ý của chúng khi sử dụng.
- Kỹ năng:
 - + Khảo sát, thu thập và phân tích được các thông tin về nhu cầu du lịch nói chung và nhu cầu về dịch vụ thể thao, nói riêng;
 - + Xác định được loại hình dịch vụ thể thao, giải trí phù hợp với nhu cầu của khách và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp;
 - + Thiết kế được các chương trình giải trí, thể thao đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
 - + Lập kế hoạch tổng thể, kế hoạch chi tiết cho toàn bộ quá trình tổ chức dịch vụ giải trí, thể thao;
 - + Lập được dự toán kinh phí cho các chương trình giải trí, thể thao;
 - + Xây dựng được các chính sách giá phù hợp với thị trường;
 - + Soạn thảo được hợp đồng và có khả năng đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng;
 - + Tổ chức thực hiện hoạt động quảng bá và xúc tiến bán dịch vụ giải trí, thể thao;
 - + Phân tích và lựa chọn các nhà cung ứng dịch vụ bổ trợ (cung ứng dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, an ninh), soạn thảo, ký kết hợp đồng;
 - + Lập kế hoạch triển khai và phối hợp thực hiện trong quá trình cung ứng dịch vụ; kiểm tra, đánh giá quá trình cung ứng các dịch vụ bổ trợ;
 - + Tổ chức điều hành các hoạt động trong quá trình thực hiện dịch vụ giải trí, thể thao;
 - + Dự tính và hạn chế các tình huống phát sinh ở mức độ hệ thống và toàn diện;
 - + Có khả năng phân tích đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các tình huống trong quá trình thực hiện;
 - + Đưa ra được các quyết định kỹ thuật trong phạm vi giới hạn chuyên môn đã được đào tạo;
 - + Thống kê chính xác các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ; Tổng hợp được chi phí và các chứng từ có liên quan. Thực hiện được việc thanh quyết toán;

+ Quản lý được nguồn vốn và có khả năng đánh giá được hiệu quả tài chính của hoạt động kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao;

+ Có khả năng chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tổng kết các nhiệm vụ khác của nghề như: Tạo lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao; Chăm sóc khách hàng;

+ Đảm bảo vệ sinh, an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

+ Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự;

+ Có khả năng tổ chức công việc và tham gia làm việc theo nhóm, có khả năng phối hợp với những vị trí khác có liên quan trong công việc trong môi trường lao động nghề nghiệp;

+ Có khả năng kiểm tra, giám sát chuyên môn đối với nhân viên tác nghiệp, các nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ, khách hàng... trong quá trình thực hiện dịch vụ;

+ Có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp thông thường và trong một số hoạt động cụ thể của nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao;

+ Sinh viên có được khả năng làm việc độc lập, biết ứng dụng kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho nghề nghiệp; có đạo đức, sức khỏe, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có ý thức chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc. Sinh viên có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;

+ Hiểu được về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Nắm vững và biết cách vận dụng các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao, biết cách áp dụng vào việc tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Xây dựng được lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;

+ Nắm vững một số kiến thức về kỹ năng quân sự cơ bản làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ Quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đảm đương được vị trí:

- Nhân viên quản lý cấp cao;

- Nhân viên lập kế hoạch;

- Nhân viên điều hành chương trình;

- Nhân viên tác nghiệp của các dịch vụ giải trí, thể thao trong các doanh nghiệp có lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ;

(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2400 giờ; Thời gian học tự chọn: 900 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 1020 giờ; Thời gian học thực hành: 2280 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2400	624	1591	185
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	540	206	288	46
MH 07	Tổng quan về dịch vụ giải trí, thể thao trong du lịch	45	27	15	3
MĐ 08	Tâm lý khách du lịch	45	27	15	3
MĐ 09	Giao tiếp trong kinh doanh	45	15	27	3
MH 10	Marketing căn bản	45	36	6	3
MH 11	Quản trị học	60	41	15	4
MH 12	Ngoại ngữ chuyên ngành cơ sở	300	60	210	30
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1860	418	1303	139
MĐ 13	Ngoại ngữ chuyên ngành nâng cao	225	45	160	20
MĐ 14	Tin học ứng dụng	60	15	42	3
MH 15	Marketing dịch vụ	45	27	15	3
MH 16	Quản trị doanh nghiệp	60	41	15	4
MH 17	Quản trị nhân lực	45	30	12	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 18	Tài chính doanh nghiệp	60	41	15	4
MĐ 19	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao	75	39	27	9
MĐ 20	Nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao	150	60	75	15
MĐ 21	Tổ chức dịch vụ giải trí	90	30	51	9
MĐ 22	Tổ chức dịch vụ thể thao	90	30	51	9
MH 23	Thực hành nghiệp vụ (tại cơ sở hoặc tại trường)	480	30	420	30
MH 24	Thực hành nghề chuyên sâu (tại cơ sở)	480	30	420	30
	Tổng cộng	2850	844	1791	215

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Tổng thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn là 900 giờ chiếm 27,3% tổng số thời gian thực học tối thiểu dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề (3.300 giờ);

- Để xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cũng dựa trên phân tích công việc như đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Văn hóa Việt Nam	45	30	12	3
MĐ 26	Nghiệp vụ văn phòng	45	15	28	2
MĐ 27	Nghiệp vụ lễ tân	90	30	50	10
MĐ 28	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	28	2
MH 29	Văn hóa ẩm thực	45	15	27	3
MH 30	Nghiệp vụ lưu trú	45	15	28	2
MH 31	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	42	0	3
MĐ 32	Nghiệp vụ nhà hàng	90	30	50	10
MH 33	Môi trường và an ninh - an toàn	45	30	12	3
MĐ 34	Nghiệp vụ hướng dẫn	90	30	50	10
MĐ 35	Nghiệp vụ lễ hành	90	30	50	10
MH 36	Nguyên lý kế toán	45	42	0	3
MH 37	Địa lý và tài nguyên du lịch	45	27	15	3
MH 38	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	15	27	3
MĐ 39	Tổ chức các sự kiện du lịch	90	30	51	9
MH 40	Pháp luật kinh tế	45	42	0	3
MĐ 41	Kỹ thuật trang trí và cắm hoa	45	15	27	3
MĐ 42	Xây dựng thực đơn	45	15	27	3
MĐ 43	Chuyên đề tự chọn về các nghiệp vụ bổ trợ	45	15	27	3
MH 44	Hệ thống thông tin quản lý	45	30	12	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ví dụ: dưới đây là danh mục các môn học, mô đun tự chọn mang tính chất giới thiệu, định hướng cho các Cơ sở dạy nghề khi xây dựng chương trình đào tạo nghề:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 25	Văn hóa Việt Nam	45	30	12	3
MĐ 26	Nghiệp vụ văn phòng	45	15	28	2
MĐ 27	Nghiệp vụ lễ tân	90	30	50	10
MĐ 28	Nghiệp vụ thanh toán	45	15	28	2
MH 29	Văn hóa ẩm thực	45	15	27	3
MH 30	Nghiệp vụ lưu trú	45	15	28	2
MH 31	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	42	0	3
MĐ 32	Nghiệp vụ nhà hàng	90	30	50	10
MH 33	Môi trường và an ninh - an toàn	45	30	12	3
MĐ 34	Nghiệp vụ hướng dẫn	90	30	50	10
MĐ 35	Nghiệp vụ lễ hành	90	30	50	10
MH 36	Nguyên lý kế toán	45	42	0	3
MH 37	Địa lý và tài nguyên du lịch	45	27	15	3
MH 38	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	45	15	27	3
MĐ 39	Tổ chức các sự kiện du lịch	90	30	51	9
	Tổng cộng	900	396	428	76

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học đào tạo nghề tự chọn:

- Chọn các môn học, mô đun sao cho đảm bảo quỹ thời gian thực học tự chọn tối thiểu quy định trong chương trình khung;

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của cơ sở mình như:

+ Nhu cầu của sinh viên, nhu cầu của các doanh nghiệp;

+ Trình độ đội ngũ giáo viên;

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể chọn tổ hợp các môn học, mô đun trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 900 giờ chiếm 27,3% tổng thời gian các môn học đào tạo nghề (trong đó có tối đa 450 giờ lý thuyết).

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 4 giờ.

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao - Thực hành nghề: Tổ chức dịch vụ giải trí/Tổ chức dịch vụ thể thao	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 học sinh) Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành) dùng khi không tổ chức thi Lý thuyết nghề và Thực hành nghề	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

09586427

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Cần căn cứ vào các nội dung chính trong đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô đun để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học, mô đun đó cụ thể là:

- + Mục tiêu môn học, mô đun;
- + Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà sinh viên phải học;
- + Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;
- + Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề:

Tất cả các môn học đào tạo nghề khi kết thúc môn học, mô đun đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

+ Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành;
+ Thời gian kiểm tra: Lý thuyết: Không quá 120 phút; Thực hành: Không quá 8 giờ;

+ Mỗi môn học có từ 02 đơn vị học trình (cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình) trở lên sẽ có một bài kiểm tra hết môn (gọi là bài kiểm tra lý thuyết);

+ Thời gian làm bài kiểm tra hết môn: tối đa là 120 phút;

+ Bài kiểm tra hết môn có:

Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong khoảng từ 1 đến 5 phút;

Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung phần thực hành nghề tại cơ sở:

+ Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

+ Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung sinh viên đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

+ Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo ba hướng sau:

Học sinh thực hành tại các doanh nghiệp có kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao, có công việc phù hợp với nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ đang làm việc tại các cơ sở) sinh viên;

Thực hành các nghiệp vụ quản trị dịch vụ giải trí, thể thao (có giáo viên hướng dẫn) theo các chuyên đề riêng như: tổ chức dịch vụ giải trí, tổ chức dịch vụ thể thao;

Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

+ Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở, thực hành nghề chuyên sâu cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện từng Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

Phụ lục 2**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ “QUẢN TRỊ DU LỊCH MICE”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 2A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị du lịch Mice

Mã nghề: 40810105

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định
của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:
 - + Trình bày được những hiểu biết khái quát về ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch và các cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch;
 - + Nêu được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản trong tiếng Anh và có đủ vốn từ để đọc được tài liệu chuyên ngành đơn giản bằng tiếng Anh;
 - + Mô tả được nội dung cơ bản của hoạt động giao tiếp, về tâm lý học và về đặc điểm tâm lý khách du lịch để xây dựng mối quan hệ với khách hàng và nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh;
 - + Trình bày được một số nội dung cơ bản về quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động du lịch Mice;
 - + Trình bày được quy trình tổ chức du lịch Mice như lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát và tổng kết đánh giá;

+ Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về công tác văn phòng, kế toán, thống kê, luật kinh tế, quản lý Nhà nước về du lịch vào công việc thực tiễn của nghề.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được việc khảo sát thị trường; phân tích, đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng dịch vụ, xác định nguồn tài chính để xây dựng kế hoạch tổ chức du lịch Mice;

+ Thực hiện được việc quảng cáo, tư vấn khách hàng, tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch Mice;

+ Thực hiện được việc quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch Mice;

+ Thực hiện được một số phương pháp phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để vận dụng vào phân tích hiệu quả du lịch Mice;

+ Quan sát, kiểm tra, tập hợp, xử lý và lưu trữ thông tin về khách hàng, về các nhà cung cấp; chủ động tiếp nhận ý kiến, giải thích thông tin, giải quyết hiệu quả các khiếu nại và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng;

+ Có thể sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp với người nước ngoài và đọc được các chú thích đơn giản bằng tiếng Anh; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong công việc; có khả năng soạn thảo các hợp đồng dịch vụ, thanh quyết toán hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp;

+ Giác ngộ, tuân thủ pháp luật về an toàn, an ninh trong bảo vệ tài sản, tính mạng, vệ sinh an toàn thực phẩm trong hoạt động du lịch Mice.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của con người làm nghề du lịch Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi học xong, học sinh đảm đương được các vị trí như: nhân viên tổ chức sự kiện, nhân viên phòng Sale và Marketing trong khách sạn hoặc công ty du lịch, nhân viên đại lý lữ hành, nhân viên bán chương trình du lịch, trợ lý điều hành tour, kiểm soát viên lữ hành, cán bộ quản lý các phòng ban trong các khách sạn cao cấp các công ty lữ hành tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ;

(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1800 giờ; Thời gian học tự chọn: 540 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 646 giờ; Thời gian học thực hành: 1694 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo lô gíc sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1800	450	1257	93
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	270	127	125	18
MH 07	Tổng quan du lịch	30	28	0	2
MĐ 08	Kỹ năng giao tiếp	45	14	28	3
MH 09	Tâm lý khách du lịch	30	14	14	2
MH 10	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	15	27	3
MĐ 11	Tin học ứng dụng	60	28	28	4
MĐ 12	Tổ chức sự kiện	60	28	28	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1530	323	1132	75
MĐ 13	Tiếng Anh chuyên ngành	295	84	191	20

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 14	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	45	14	28	3
MĐ 15	Marketing du lịch Mice	60	14	42	4
MH 16	Đàm phán trong kinh doanh	45	28	14	3
MĐ 17	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị hội thảo	150	42	98	10
MĐ18	Nghiệp vụ tổ chức hội chợ triển lãm	180	42	126	12
MĐ19	Nghiệp vụ tổ chức du lịch khuyến thưởng	165	42	112	11
MĐ 20	Quản trị du lịch Mice	180	42	126	12
MĐ 21	Thực hành nghề tại cơ sở và thực tập tốt nghiệp	410	15	395	
Tổng cộng		2015	569	1336	110

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; Thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Nghiệp vụ văn phòng	45	14	28	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 23	Nguyên lý kế toán	45	28	14	3
MĐ 24	Phân tích hoạt động kinh tế	45	14	28	3
MĐ 25	Nghiệp vụ lưu trú	45	14	28	3
MĐ 26	Nghiệp vụ hướng dẫn	90	28	56	6
MĐ 27	Nghiệp vụ lễ tân	45	14	28	3
MĐ 28	Nghiệp vụ nhà hàng	45	14	28	3
MH 29	An ninh, an toàn trong du lịch	30	14	14	2
MĐ 30	Nghiệp vụ lễ hành	90	28	56	6
MH 31	Kỹ năng bán hàng	30	14	14	2
MH 32	Bảo vệ môi trường du lịch	30	14	14	2
MH 33	Nghiệp vụ thanh toán	45	14	28	3
MH 34	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)	60	28	29	3
MĐ 35	Kiểm soát giá vốn	30	14	15	1

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học đào tạo nghề tự chọn:

- Chọn các môn học, mô đun tự chọn sao cho đảm bảo thời gian thực học tối thiểu theo quy định trong chương trình khung (540 giờ);

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của Cơ sở mình như:

- + Nhu cầu của người học (nhu cầu của các doanh nghiệp;)
- + Trình độ đội ngũ giáo viên;
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể chọn một số trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 540 giờ chiếm 22,8% tổng thời gian các môn học đào tạo nghề (2340 giờ);

- Ví dụ: Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Trung cấp nghề lựa chọn 11 trong số 14 môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Nghiệp vụ văn phòng	45	14	28	3
MH 23	Nguyên lý kế toán	45	28	14	3
MĐ 24	Phân tích hoạt động kinh tế	45	14	28	3
MĐ 25	Nghiệp vụ lưu trú	45	14	28	3
MĐ 26	Nghiệp vụ hướng dẫn	90	28	56	6
MĐ 27	Nghiệp vụ lễ tân	45	14	28	3
MĐ 28	Nghiệp vụ nhà hàng	45	14	28	3
MH 29	An ninh, an toàn trong du lịch	30	14	14	2
MĐ 30	Nghiệp vụ lễ hành	90	28	56	6
MH 31	Kỹ năng bán hàng	30	14	14	2
MH 32	Bảo vệ môi trường du lịch	30	14	14	2
Tổng cộng		540	196	308	36

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 12 giờ.

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 học sinh)
	- Thực hành	Bài thi thực hành	Không quá 12 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

4.1. Chú ý về chương trình chi tiết:

- Chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc được xác định dựa trên phiếu phân tích nghề, phân tích công việc nghề Quản trị du lịch Mice;

- Căn cứ nội dung phiếu phân tích nghề để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo.

4.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

Cần căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

- Mục tiêu môn học, mô đun;
- Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà người học phải học;
- Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;
- Hướng dẫn thực hiện chương trình.

4.3. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề:

Tất cả các môn học, mô đun đào tạo nghề khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo mục tiêu của môn học, mô đun.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

Mỗi môn học có từ 2 đơn vị học trình, cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình sẽ có một bài kiểm tra hết môn.

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong khoảng từ 1 đến 5 phút;

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

4.4. Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành nghề tại cơ sở:

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Học sinh thực hành tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề du lịch Mice. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm, trình độ đang làm việc tại các cơ sở đó) hướng dẫn học sinh;

+ Thực hành các nghiệp vụ du lịch Mice (có giáo viên hướng dẫn) tại các điểm tham quan, du lịch, các tuyến du lịch hoặc theo các chương trình du lịch;

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện từng Cơ sở dạy nghề; có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

Phụ lục 2B**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị du lịch Mice

Mã nghề: 50810105

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 44

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được những hiểu biết khái quát về ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch và các cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch;

+ Nêu được các cấu trúc ngữ pháp thường gặp trong tiếng Anh và có đủ vốn từ để giao dịch và đọc được tài liệu chuyên ngành nâng cao bằng tiếng Anh;

+ Mô tả được nội dung cơ bản của hoạt động giao tiếp, về tâm lý học và về đặc điểm tâm lý khách du lịch để xây dựng mối quan hệ với khách hàng và nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động du lịch Mice;

+ Trình bày được quy trình tổ chức du lịch Mice để vận dụng vào công tác lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát và tổng kết đánh giá;

+ Ứng dụng được các kiến thức về công tác văn phòng, kế toán, thống kê, Luật Kinh tế, Quản lý Nhà nước về du lịch vào công việc thực tiễn của nghề;

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được việc khảo sát thị trường; phân tích, đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng dịch vụ, xác định nguồn tài chính để xây dựng kế hoạch tổ chức du lịch Mice;

+ Thực hiện tốt việc quảng cáo, tư vấn khách hàng, tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch Mice;

+ Xây dựng được tiêu chí đánh giá, thực hiện quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch Mice;

+ Phân tích, đánh giá và đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh du lịch Mice;

+ Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ phục vụ trong tổ chức và quản lý: hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm và du lịch khuyến thương; phối hợp và xử lý linh hoạt các tình huống xảy ra trong thực tế;

+ Có khả năng giao tiếp, tạo lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp, các nhà cung ứng dịch vụ và với các cơ quan quản lý. Đồng thời có khả năng tập hợp, xử lý và lưu trữ thông tin về khách hàng, về các nhà cung cấp; chủ động tiếp nhận ý kiến, giải thích thông tin, giải quyết hiệu quả các khiếu nại và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng;

+ Có thể sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và trong chuyên ngành; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong công việc; có khả năng soạn thảo và hoàn thiện các hợp đồng dịch vụ, thanh quyết toán hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp;

+ Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề Quản trị du lịch Mice;

+ Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp;

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và cán bộ, nhân viên ngành Du lịch Việt Nam nói riêng;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc;

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên làm việc được ở các vị trí như: Chuyên gia tổ chức thực hiện và điều hành các chương trình sự kiện du lịch Mice tại các khách sạn cao cấp, khu du lịch, trung tâm hội nghị, hội chợ, triển lãm; nhân viên nghiên cứu, thiết kế; bán chương trình du lịch và các vị trí khác tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc;

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm;

- Thời gian học tập: 131 tuần;

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ;

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ;

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ;

+ Thời gian học bắt buộc: 2580 giờ; Thời gian học tự chọn: 720 giờ.

+ Thời gian học lý thuyết: 901 giờ; Thời gian học thực hành: 2399 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2580	635	1837	108
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	540	253	252	35
MH 07	Tổng quan du lịch	45	28	14	3
MĐ 08	Kỹ năng giao tiếp	60	28	28	4
MH 09	Tâm lý khách du lịch	45	28	14	3
MH 10	Thống kê du lịch	45	28	14	3
MH 11	Quản trị doanh nghiệp	45	28	14	3
MH 12	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	15	27	3
MĐ 13	Tổ chức sự kiện	90	28	57	5
MĐ 14	Tin học ứng dụng	75	28	42	5
MH 15	Nghiệp vụ thanh toán	45	14	28	3
MH 16	Marketing cơ sở	45	28	14	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2040	382	1585	73
MĐ 17	Tiếng Anh chuyên ngành	420	112	280	28
MĐ 18	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	45	14	28	3
MĐ 19	Marketing du lịch Mice	60	14	42	4

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 20	Đàm phán trong kinh doanh	45	28	14	3
MĐ 21	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo	240	42	189	9
MĐ 22	Nghiệp vụ tổ chức hội chợ triển lãm	270	58	203	9
MĐ 23	Nghiệp vụ tổ chức du lịch khuyến thưởng	240	42	189	9
MĐ 24	Quản trị du lịch Mice	210	42	160	8
MH 25	Thực hành tại cơ sở và thực tập tốt nghiệp	510	30	480	
	Tổng cộng	3030	855	2037	138

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Nghiệp vụ văn phòng	45	14	28	3
MH 27	Nguyên lý kế toán	45	28	14	3
MĐ 28	Phân tích hoạt động kinh tế	45	14	28	3
MH 29	Quản lý nhà nước về du lịch	45	28	14	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Nghiệp vụ lưu trú	45	14	28	3
MĐ 31	Nghiệp vụ hướng dẫn	120	28	87	5
MĐ 32	Nghiệp vụ lễ tân	45	14	28	3
MĐ 33	Nghiệp vụ nhà hàng	45	14	28	3
MH 34	An ninh an toàn trong du lịch	45	28	14	3
MĐ 35	Nghiệp vụ lễ hành	120	28	87	5
MH 36	Kỹ năng bán hàng	45	14	28	3
MH 37	Bảo vệ môi trường du lịch	45	28	14	3
MH 38	Luật Kinh tế	30	14	14	2
MĐ 39	Quản trị lễ tân	45	26	17	2
MĐ 40	Quản trị doanh thu	30	16	13	1
MĐ 41	Kiểm soát giá vốn	30	14	15	1
MĐ 42	Quản trị các dịch vụ giải trí	60	28	29	3
MH 43	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)	270	56	204	10
MH 44	Lịch sử văn minh thế giới	60	28	29	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học đào tạo nghề tự chọn:

- Chọn các môn học, mô đun tự chọn sao cho đảm bảo quỹ thời gian thực học tự chọn tối thiểu quy định trong chương trình khung (720 giờ);

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của Cơ sở mình như:

+ Nhu cầu của người học (nhu cầu của các doanh nghiệp);

+ Trình độ đội ngũ giáo viên;

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể chọn trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm

bảo thời gian học tự chọn là 720 giờ chiếm 21,8% tổng thời gian các môn học đào tạo nghề;

- Ví dụ: Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Cao đẳng nghề lựa chọn 13 trong số 19 môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo; cụ thể như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Nghiệp vụ văn phòng	45	14	28	3
MH 27	Nguyên lý kế toán	45	28	14	3
MĐ 28	Phân tích hoạt động kinh tế	45	14	28	3
MH 29	Quản lý nhà nước về du lịch	45	28	14	3
MĐ 30	Nghiệp vụ lưu trú	45	14	28	3
MĐ 31	Nghiệp vụ hướng dẫn	120	28	87	5
MĐ 32	Nghiệp vụ lễ tân	45	14	28	3
MĐ 33	Nghiệp vụ nhà hàng	45	14	28	3
MH 34	An ninh an toàn trong du lịch	45	28	14	3
MĐ 35	Nghiệp vụ lễ hành	120	28	87	5
MH 36	Kỹ năng bán hàng	45	14	28	3
MH 37	Bảo vệ môi trường du lịch	45	28	14	3
MH 38	Luật Kinh tế	30	14	14	2
	Tổng cộng	720	266	412	42

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 12 giờ.

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 sinh viên) Không quá 12 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

4.1. Chú ý về chương trình đào tạo và đề cương chi tiết:

- Chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc được xác định dựa trên phiếu phân tích nghề, phân tích công việc nghề quản trị du lịch Mice.
- Căn cứ nội dung phiếu phân tích nghề để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo.

4.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Cần căn cứ vào các nội dung chính trong đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô đun để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

- Mục tiêu môn học.
- Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà người học phải học.
- Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định.
- Hướng dẫn thực hiện chương trình.

4.3. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề:

Tất cả các môn học, mô đun đào tạo nghề khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học, mô đun.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra: Lý thuyết: Không quá 120 phút; Thực hành: Không quá 4 giờ;
 - Mỗi môn học có từ 02 đơn vị học trình (cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình) trở lên sẽ có một bài kiểm tra hết môn (gọi là bài kiểm tra lý thuyết). Thời gian làm bài kiểm tra hết môn tối đa là 120 phút.

- Bài kiểm tra hết môn có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong khoảng từ 1 đến 5 phút;

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

4.4. Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung phần thực hành nghề tại cơ sở:

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu:

+ Hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

+ Nắm được các công việc của người quản lý phải làm để thực hiện hợp đồng dịch vụ Mice với các đối tác.

- Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành nghiệp vụ tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề Quản trị du lịch Mice. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ đang làm việc tại các cơ sở) hướng dẫn người học;

+ Thực hành chuyên sâu sau khi kết thúc các môn học năm thứ 3, bố trí thực tập chuyên sâu theo chuyên ngành dịch vụ Mice (có giáo viên hướng dẫn) tại các doanh nghiệp du lịch, hoặc cán bộ quản lý các phòng ban trong các khách sạn, các trung tâm hội chợ triển lãm, các công ty lữ hành;

+ Địa điểm thực hành cần được lựa chọn trước khi đi thực hành ít nhất 1 tháng. Cần có sự cam kết giữa trường và cơ sở thực hành để đảm bảo cho người học được thực tập đúng nghề dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên hướng dẫn của trường và người hướng dẫn của cơ sở được lựa chọn. Mỗi người học có sổ nhật ký thực tập. Hàng ngày, người hướng dẫn thực tập của cơ sở nhận xét về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người thực tập;

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

Phụ lục 3**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ
CHO NGHỀ “QUẢN TRỊ KHU RESORT”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 3A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị khu Resort

Mã nghề: 40810206

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 28

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:****- Kiến thức:**

+ Mô tả được vị trí, vai trò của khu Resort trong ngành Du lịch, đặc trưng của khu Resort, tác động của nó về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; quá trình ra đời và phát triển của khu Resort trên thế giới và Việt Nam;

+ Trình được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong khách sạn/khu Resort để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

+ Trình bày được cơ cấu tổ chức, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, mối quan hệ giữa các bộ phận của khu Resort; liệt kê được các nhiệm vụ chủ yếu và công việc hàng ngày của giám sát viên, trưởng bộ phận của khu Resort;

+ Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của khu Resort: lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn, spa, thể thao, vui chơi giải trí và câu lạc bộ trong khu Resort; Liệt kê, giải thích được các phương pháp, cách thức bán các sản phẩm của khu Resort;

+ Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu tại khu Resort và công dụng của chúng;

+ Xây dựng được tính tự tin trong xử lý công việc.

- Kỹ năng:

+ Giao tiếp hiệu quả với khách hàng bằng tiếng Việt và tiếng Anh, phù hợp với yêu cầu phục vụ khách tại bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng, bếp, khu vực hội nghị/hội thảo hoặc khu vực giải trí và spa; chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng có hiệu quả;

+ Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí công việc của bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng, bếp hoặc khu vực hội nghị, hội thảo, spa, vui chơi giải trí theo tiêu chuẩn của từng khu Resort;

+ Lập được kế hoạch của các bộ phận như: kế hoạch nhân sự; kế hoạch mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, vật tư và nguyên liệu; kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện;

+ Thực hiện được việc ghi chép chứng từ, sổ sách theo tiêu chuẩn của từng khu Resort;

+ Làm được các loại báo cáo, soạn thảo được văn bản đối nội, hợp đồng thông thường của khu Resort;

+ Ứng dụng được phần mềm quản trị khách sạn trong công việc hàng ngày;

+ Quản lý được thời gian làm việc hiệu quả;

+ Thực hiện được các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong khu Resort;

+ Hình thành được kỹ năng bán sản phẩm của khu Resort;

+ Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị của khu Resort;

+ Hình thành được các kỹ năng làm việc theo nhóm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;

+ Hiểu biết các kiến thức phổ thông về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Hình thành được đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tính trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp; Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Hình thành được ý thức học tập và rèn luyện thường xuyên để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc;

+ Hình thành được phương pháp nghiên cứu các vấn đề theo quan điểm biện chứng lịch sử và cụ thể.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản để rèn luyện sức khỏe, duy trì và phát triển thể chất, biết vận dụng vào việc tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Củng cố và phát triển lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao hiểu biết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ an ninh Tổ quốc Việt Nam;

+ Hình thành, phát triển được kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, học sinh có được các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để có thể đảm nhiệm một trong các vị trí công việc sau:

+ Nhân viên nghiệp vụ làm việc tại bộ phận lưu trú;

+ Nhân viên nghiệp vụ bộ phận ăn uống;

+ Nhân viên nghiệp vụ bộ phận phục vụ hội nghị;

+ Nhân viên nghiệp vụ bộ phận thể thao, vui chơi giải trí hoặc bộ phận spa;

Tùy theo khả năng cá nhân, kinh nghiệm thực tiễn, môi trường công tác và cấp độ, loại hình khu Resort, học sinh tốt nghiệp có thể đảm đương các vị trí công tác cao hơn như:

+ Giám sát viên;

+ Trưởng/phó giám đốc bộ phận.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1670 giờ; Thời gian học tự chọn: 670 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 640 giờ; Thời gian học thực hành: 1700 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập và các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	45	28	13	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (cơ bản)	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1670	449	1130	91
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	135	70	56	9
MH 07	Tổng quan du lịch	45	32	10	3
MH 08	Giao tiếp trong kinh doanh	45	28	14	3
MĐ 09	Tin học ứng dụng trong kinh doanh Resort	45	10	32	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1535	379	1074	82
MĐ 10	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn/Resort	300	98	182	20
MĐ 11	An ninh - an toàn trong khu resort	30	14	14	2
MH 12	Bảo vệ Môi trường	30	18	10	2
MH 13	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	45	28	14	3
MH 14	Marketing du lịch	45	27	15	3
MH 15	Nghiệp vụ thanh toán	30	13	15	2
MH 16	Kế toán khách sạn/Resort	45	27	15	3
MH 17	Quản trị nguồn nhân lực	45	20	22	3
MĐ 18	Nghiệp vụ lễ tân	225	41	170	14
MĐ 19	Nghiệp vụ phục vụ buồng khu Resort	210	42	154	14
MĐ 20	Nghiệp vụ nhà hàng	105	28	68	9
MĐ 21	Nghiệp vụ chế biến món ăn	105	23	75	7
MĐ 22	Thực hành nghiệp vụ (tại cơ sở)	320	0	320	0
	Tổng cộng	1880	555	1217	108

09586427

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Tổng thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn là 670 giờ chiếm 28,6% trong tổng số thời gian thực học tối thiểu dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề (2340 giờ);

- Để xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cũng dựa trên phân tích công việc như đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 23	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	27	15	3
MĐ 24	Quản trị buồng	60	24	31	5
MĐ 25	Quản trị lễ tân	60	33	23	4
MĐ 26	Quản trị doanh thu	30	23	5	2
MĐ 27	Quản trị nhà hàng	60	25	33	2
MĐ 28	Quản trị đồ uống	60	21	35	4
MĐ 29	Kiểm soát giá vốn	30	13	15	2
MĐ 30	Quản trị dịch vụ hội nghị/hội thảo	60	24	33	3
MĐ 31	Quản trị tiệc	45	25	17	3
MĐ 32	Tổ chức sự kiện	45	13	30	2
MĐ 33	Quản trị các dịch vụ giải trí	60	21	37	2
MĐ 34	Kỹ thuật cắm hoa và trang điểm	30	11	17	2
MĐ 35	Quản trị dịch vụ Spa	60	23	34	3
MĐ 36	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)	75	36	34	5
MĐ 37	Thực hành chuyên sâu (tại cơ sở)	400	0	400	0

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Các môn học, mô đun tự chọn được phân chia làm bốn nhóm theo bốn chuyên ngành sâu của Quản trị khu Resort. Trường chỉ chọn một trong bốn nhóm môn học tự chọn;

- Các Cơ sở dạy nghề có thể chọn 1 trong 4 nhóm môn học tự chọn tùy thuộc vào hướng nghề nghiệp chuyên sâu như sau:

+ Nhóm (a) gồm các môn học, mô đun: MH 23, MH 24, MĐ 25, MĐ 26, MĐ 36 và MĐ 37 những môn học tự chọn này định hướng cho học sinh các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận lưu trú;

+ Nhóm (b) gồm các môn học, mô đun: MH 23, MĐ 27, MĐ 28, MĐ 29, MĐ 36 và MĐ 37 những môn học tự chọn này định hướng cho học sinh các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận nhà hàng;

+ Nhóm (c) gồm các môn học, mô đun: MH 23, MĐ 30, MĐ 31, MĐ 32, MĐ 36 và MĐ 37 những môn học tự chọn này định hướng cho học sinh các vị trí các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận hội nghị, hội thảo;

+ Nhóm (d) gồm các môn học, mô đun: MH 23, MĐ 33, MĐ 34, MĐ 35, MĐ 36 và MĐ 37 những môn học tự chọn này định hướng cho học sinh các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận giải trí và spa;

- Tổng số thời gian học các môn học tự chọn của học sinh là 670 giờ (chiếm 28,6% tổng thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề);

- Danh mục các môn học, mô đun tự chọn mang tính chất giới thiệu, định hướng cho các trường khi xây dựng chương trình đào tạo nghề như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 23	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	27	15	3
MĐ 24	Quản trị buồng	60	24	31	5
MĐ 25	Quản trị lễ tân	60	33	23	4
MĐ 26	Quản trị doanh thu	30	23	5	2
MĐ 36	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)	75	36	34	5
MĐ 37	Thực hành chuyên sâu (tại cơ sở)	400	0	400	0
	Tổng cộng	670	143	508	19

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun tự chọn được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng khác nhau của người quản lý tại các bộ phận lưu trú, bộ phận nhà hàng, bộ phận hội nghị, hội thảo hoặc bộ phận giải trí và spa;

- Việc lựa chọn các môn học, mô đun cần đảm bảo quỹ thời gian tối thiểu được quy định trong chương trình khung;

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của cơ sở mình như:

+ Nhu cầu của học sinh, nhu cầu của các doanh nghiệp;

+ Trình độ đội ngũ giáo viên;

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các trường có thể chọn tổ hợp các môn học, mô đun trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 670 giờ chiếm 28,6% tổng thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề (trong đó có tối đa 201 giờ lý thuyết).

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 4 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 học sinh) Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan thực tế	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Cần căn cứ vào các nội dung chính trong đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô đun để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học, mô đun đó cụ thể là:

- + Mục tiêu môn học, mô đun;
- + Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà học sinh phải học;
- + Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;
- + Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề:

Tất cả các môn học, mô đun đào tạo nghề khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học, mô đun.

- + Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành;
- + Thời gian kiểm tra: Lý thuyết: Không quá 120 phút; Thực hành: Không quá 8 giờ;

+ Mỗi môn học có từ 02 đơn vị học trình (cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình) trở lên sẽ có một bài kiểm tra hết môn (gọi là bài kiểm tra lý thuyết);

+ Thời gian làm bài kiểm tra hết môn: tối đa là 120 phút;

+ Bài kiểm tra hết môn có:

Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong khoảng từ 1 đến 5 phút;

Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung phần thực hành nghề tại khu Resort:

+ Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

+ Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung Học sinh đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

+ Cách thức phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo các hướng sau:

Thực hành nghiệp vụ sau khi kết thúc các môn học năm thứ 1 với thời gian 2 tháng, bố trí thực tập tại các bộ phận (lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn và dịch vụ giải trí và spa);

Thực hành chuyên sâu sau khi kết thúc các môn học năm thứ 2 bố trí thực tập chuyên sâu theo chuyên ngành đã học ở phần tự chọn với lượng thời gian 2,5 tháng;

Địa điểm thực hành tại doanh nghiệp được lựa chọn trước khi đi thực hành nghề ít nhất là 1 tháng. Cần có bản thỏa thuận cam kết giữa trường và khu Resort để đảm bảo cho học sinh được thực tập đúng nghề dưới sự hướng dẫn, giám sát của người giáo viên hướng dẫn của trường và người hướng dẫn của khu Resort được lựa chọn. Mỗi học sinh có sổ nhật ký thực tập. Hàng ngày, người hướng dẫn thực tập của khu Resort nhận xét về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người thực tập.

+ Việc lựa chọn hình thức thực hành nghề tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành nghề cần xuất phát từ điều kiện từng trường, điều kiện hoạt động của doanh nghiệp, khu Resort theo nguyên tắc học sinh có cơ hội được thực hành trong môi trường thực tế tốt nhất nhằm đảm bảo về thời lượng, các mục tiêu và nội dung cơ bản nói trên./.

Phụ lục 3B**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ**

Tên nghề: Quản trị khu resort

Mã nghề: 50810206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Mô tả được vị trí, vai trò của khu Resort trong ngành Du lịch, đặc trưng của khu Resort, tác động của nó về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; Quá trình hình thành và phát triển của khu Resort trên thế giới và Việt Nam;

+ Trình bày được cơ cấu tổ chức, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, mối quan hệ giữa các bộ phận của khu Resort; liệt kê được các nhiệm vụ chủ yếu và công việc hàng ngày của giám sát viên, giám đốc bộ phận của khu Resort;

+ Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong khu Resort để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

+ Nhận dạng và mô tả được các loại sản phẩm/dịch vụ chủ yếu của các khu Resort;

+ Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của khu Resort: lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn, spa, thể thao, vui chơi giải trí và câu lạc bộ trong khu Resort; Liệt kê, giải thích được các phương pháp, cách thức bán các sản phẩm của khu Resort;

+ Mô tả được quy trình phục vụ độc lập tại các villa của khu Resort, cũng như công tác vận chuyển nội bộ trong khu Resort;

+ Mô tả được nguyên tắc bố trí mặt bằng và các yêu cầu về trang thiết bị của khu Resort;

- + Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu tại khu Resort và công dụng của chúng;
 - + Trình bày được nguyên lý chung về quản trị và các nguyên lý, nội dung, quá trình về quản trị nhân sự, quản trị marketing, quản trị cơ sở vật chất, quản trị tài chính, quản trị các dịch vụ của khu Resort;
 - + Trình bày được tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của khu Resort, cách thức, phương pháp đánh giá chất lượng, dịch vụ;
 - + Mô tả được quy trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra kết quả công việc tại các bộ phận của khu Resort;
 - + Mô tả và giải thích được quy trình, phương pháp tính giá vốn của dịch vụ ăn uống của khu Resort;
 - + Giải thích được vai trò, tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong quản trị khu Resort;
 - + Trình bày được các khái niệm, thuật ngữ cơ bản của kế toán khách sạn;
 - + Mô tả được quy trình, cách thức chăm sóc, bảo dưỡng cây và cảnh quan sân vườn.
- Kỹ năng:
- + Thực hiện được các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong khu Resort;
 - + Giao tiếp hiệu quả với khách hàng bằng tiếng Việt và tiếng Anh, phù hợp với yêu cầu phục vụ khách tại bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng, khu vực hội nghị/hội thảo hoặc khu vực giải trí và spa; chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng có hiệu quả;
 - + Hình thành được kỹ năng bán sản phẩm của khu Resort;
 - + Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị của khu Resort;
 - + Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí công việc của bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng, bếp hoặc khu vực hội nghị, hội thảo, spa, vui chơi giải trí theo tiêu chuẩn của từng khu Resort;
 - + Lập được kế hoạch của các bộ phận như: kế hoạch marketing; kế hoạch nhân sự; kế hoạch mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, vật tư và nguyên liệu; kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện; tính toán được các chỉ tiêu của kế hoạch tài chính;
 - + Thực hiện được việc ghi chép chứng từ, sổ sách theo tiêu chuẩn của từng khu Resort;

- + Làm được các loại báo cáo, soạn thảo được văn bản đối nội, hợp đồng thông thường của khu Resort;
- + Ứng dụng được phần mềm quản trị khu Resort trong công việc hàng ngày;
- + Thực hiện được quy trình kiểm soát thu chi tiền mặt, kiểm soát được hàng tồn kho, công nợ, xuất nhập hàng hóa;
- + Thực hiện được quy trình tuyển chọn, bố trí, đào tạo nhân viên, đánh giá kết quả kết quả công việc của nhân viên;
- + Quản lý thời gian làm việc có hiệu quả;
- + Phân tích, đánh giá được kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận lưu trú, ăn uống, hội nghị, hội thảo, giải trí, spa và phát hiện ra được các nguyên nhân để đề xuất được các giải pháp nhằm tối đa hóa doanh thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận và khu Resort;
- + Nhận dạng và phân tích được thị trường mục tiêu của từng khu Resort;
- + Hình thành được tính tự tin, trung thực, cẩn thận trong xử lý công việc;
- + Hình thành được các kỹ năng làm việc theo nhóm;
- + Hình thành được tính chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong xử lý công việc hàng ngày.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật Lao động;
 - + Hiểu được về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - + Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
 - + Hình thành được đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tính trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp; Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;
 - + Hình thành được ý thức học tập và rèn luyện thường xuyên để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc;
 - + Hình thành được phương pháp nghiên cứu các vấn đề theo quan điểm biện chứng lịch sử và cụ thể.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản để rèn luyện sức khỏe, duy trì và phát triển thể chất, biết vận dụng vào việc tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Củng cố và phát triển lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao hiểu biết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ an ninh Tổ quốc Việt Nam;

+ Hình thành, phát triển được kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết; sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để có thể đảm nhiệm một trong các vị trí công việc sau:

+ Nhân viên nghiệp vụ làm việc tại bộ phận lưu trú;

+ Nhân viên nghiệp vụ bộ phận ăn uống;

+ Nhân viên nghiệp vụ bộ phận phục vụ hội nghị;

+ Nhân viên nghiệp vụ bộ phận thể thao, vui chơi giải trí hoặc bộ phận spa;

Tùy theo khả năng cá nhân, kinh nghiệm thực tiễn, môi trường công tác và cấp độ, loại hình khu Resort, sinh viên tốt nghiệp có thể đảm đương các vị trí công tác cao hơn như:

+ Giám sát viên;

+ Trưởng/phó giám đốc bộ phận;

+ Điều hành khu resort có quy mô nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 260 giờ;
(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2400 giờ; Thời gian học tự chọn: 900 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 990 giờ; Thời gian học thực hành: 2310 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2400	681	1584	135
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	225	139	71	15
MH 07	Kinh tế vi mô	45	32	10	3
MH 08	Tổng quan du lịch	45	32	10	3
MH 09	Quản trị học	45	37	5	3
MH 10	Giao tiếp trong kinh doanh	45	28	14	3
MĐ 11	Tin học ứng dụng trong kinh doanh khu Resort	45	10	32	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2175	542	1513	120
MĐ 12	Tiếng Anh chuyên ngành	420	148	244	28
MĐ 13	An ninh - an toàn trong khu Resort	30	13	15	2
MH 14	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	45	28	14	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 15	Marketing du lịch - khách sạn	45	27	15	3
MH 16	Nghiệp vụ thanh toán	30	13	15	2
MH 17	Kế toán du lịch - khách sạn	45	27	15	3
MH 18	Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch - khách sạn	45	27	15	3
MH 19	Quản trị cơ sở vật chất và kỹ thuật khu Resort	45	27	15	3
MH 20	Quản trị nguồn nhân lực	45	18	24	3
MH 21	Bảo vệ Môi trường	30	18	10	2
MĐ 22	Nghiệp vụ lễ tân	315	56	238	21
MĐ 23	Nghiệp vụ phục vụ buồng	210	42	154	14
MĐ 24	Nghiệp vụ nhà hàng	210	56	135	19
MĐ 25	Nghiệp vụ chế biến món ăn	210	42	154	14
MĐ 26	Thực hành nghiệp vụ (tại khu Resort hoặc tại trường)	450	0	450	0
	Tổng cộng	2850	901	1784	165

09586427

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Tổng thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn là 900 giờ chiếm 27,3% trong tổng số thời gian thực học tối thiểu dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề (3300 giờ);

- Để xác định thời gian cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cũng dựa trên phân tích công việc như đối với các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Thống kê kinh doanh	45	27	15	3
MH 28	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	27	15	3
MĐ 29	Quản trị buồng	60	24	31	5
MĐ 30	Quản trị lễ tân	60	33	23	4
MĐ 31	Marketing dịch vụ lưu trú	30	18	10	2
MĐ 32	Quản trị doanh thu	30	23	5	2
MĐ 33	Quản trị nhà hàng	60	25	33	2
MĐ 34	Marketing nhà hàng	30	9	19	2
MĐ 35	Quản trị đồ uống	60	21	35	4
MĐ 36	Kiểm soát giá vốn	30	13	15	2
MĐ 37	Quản trị dịch vụ hội nghị/hội thảo	60	24	33	3
MĐ 38	Quản trị tiệc	45	25	17	3
MĐ 39	Tổ chức sự kiện	45	13	30	2
MĐ 40	Marketing hội nghị/hội thảo	30	12	16	2
MĐ 41	Quản trị các dịch vụ giải trí	60	21	37	2
MĐ 42	Giám sát hoạt động thể thao khu Resort	30	15	14	1
MĐ 43	Kỹ thuật cắm hoa và trang điểm	30	11	17	2
MĐ 44	Quản trị dịch vụ Spa	60	23	34	3
MĐ 45	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)	150	78	62	10
MĐ 46	Thực hành chuyên sâu (tại cơ sở)	480	0	440	40

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Các môn học, mô đun tự chọn được phân chia làm bốn nhóm theo bốn chuyên ngành sâu của Quản trị khu Resort. Trường chỉ chọn một trong bốn nhóm môn học tự chọn;

- Trường có thể chọn 1 trong 4 nhóm môn học tự chọn tùy thuộc vào hướng nghề nghiệp chuyên sâu như sau:

+ Nhóm (a) gồm các môn học, mô đun: MH 27, MH 28, MĐ 29, MĐ 30, MĐ 31, MĐ 32, MĐ 45, MĐ 46 những môn học, mô đun tự chọn này định hướng cho sinh viên các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận lưu trú của khu Resort;

+ Nhóm (b) gồm các môn học, mô đun: MH 27, MH 28, MĐ 33, MĐ 34, MĐ 35, MĐ 36, MĐ 45, MĐ 46 những môn học/mô đun tự chọn này định hướng cho sinh viên các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận nhà hàng của khu Resort;

+ Nhóm (c) gồm các môn học, mô đun: MH 27, MH 28, MĐ 37, MĐ 38, MĐ 39, MĐ 40, MĐ 45, MĐ 46 những môn học, mô đun tự chọn này định hướng cho sinh viên các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận hội nghị, hội thảo của khu Resort;

+ Nhóm (d) gồm các môn học, mô đun: MH 27, MH 28, MĐ 41, MĐ 42, MĐ 43, MĐ 44, MĐ 45, MĐ 46 những môn học, mô đun tự chọn này định hướng cho sinh viên các vị trí công việc Quản trị khu Resort tại bộ phận giải trí và spa của khu Resort.

- Tổng số thời gian học các môn học tự chọn của sinh viên là 900 giờ (chiếm 27,3% tổng thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề);

- Danh mục các môn học, mô đun tự chọn mang tính chất giới thiệu, định hướng cho các trường khi xây dựng chương trình đào tạo nghề như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Thông kê kinh doanh	45	27	15	3
MH 28	Quản lý chất lượng dịch vụ	45	27	15	3
MĐ 41	Quản trị các dịch vụ giải trí	60	21	37	2
MĐ 42	Giám sát hoạt động thể thao khu Resort	30	15	14	1
MĐ 43	Kỹ thuật cắm hoa và trang điểm	30	11	17	2
MĐ 44	Quản trị dịch vụ Spa	60	23	34	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 45	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)	150	78	62	10
MĐ 46	Thực hành chuyên sâu (tại cơ sở)	480	0	440	40
	Tổng cộng	900	200	639	61

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun tự chọn được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng khác nhau của người quản lý tại các bộ phận lưu trú, bộ phận nhà hàng, bộ phận hội nghị, hội thảo hoặc bộ phận giải trí và spa;

- Việc lựa chọn các môn học, mô đun cần đảm bảo quỹ thời gian tối thiểu được quy định trong chương trình khung.

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của cơ sở mình như:

- + Nhu cầu của sinh viên, nhu cầu của các doanh nghiệp;
- + Trình độ đội ngũ giáo viên;
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Các Cơ sở dạy nghề có thể chọn tổ hợp các môn học, mô đun trong số các môn học, mô đun tự chọn trong danh mục ở bảng danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho đảm bảo thời gian học tự chọn là 900 giờ chiếm 27,3% tổng thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề (trong đó có tối đa 315 giờ lý thuyết).

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho một sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 4 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp 20 phút cho 1 sinh viên) Không quá 4 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; trong tuần (cuối tuần)
2	Văn hóa, văn nghệ Tổ chức hoạt động giao lưu; tổ chức cuộc thi. Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt đoàn	Ngoài giờ học hàng ngày 2 giờ/tuần

STT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt câu lạc bộ vào tối thứ 7 hàng tuần (từ 19 giờ đến 21 giờ)
5	Tham quan điểm du lịch	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Cần căn cứ vào các nội dung chính trong đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô đun để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học, mô đun đó cụ thể là:

- + Mục tiêu môn học, mô đun;
- + Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà học sinh phải học;
- + Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;
- + Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô đun đào tạo nghề:

Tất cả các môn học, mô đun đào tạo nghề khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học, mô đun.

- + Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành;
- + Thời gian kiểm tra: Lý thuyết: Không quá 120 phút; Thực hành: Không quá 8 giờ;
- + Mỗi môn học có từ 02 đơn vị học trình (cứ 15 giờ học là 01 đơn vị học trình) trở lên sẽ có một bài kiểm tra hết môn (gọi là bài kiểm tra lý thuyết);
- + Thời gian làm bài kiểm tra hết môn: tối đa là 120 phút;
- + Bài kiểm tra hết môn có:

Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong khoảng từ 1 đến 5 phút;

Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung phân thực hành nghề tại khu Resort:
 - + Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;
 - + Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung sinh viên đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;
 - + Cách thức phân bổ nội dung thực hành nghề tại cơ sở theo các hướng sau:

Thực hành nghiệp vụ sau khi kết thúc các môn học năm thứ 1 hoặc năm thứ 2 với thời gian 2 tháng, bố trí thực tập lần lượt tại các bộ phận (lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn và dịch vụ giải trí và spa);

Thực hành chuyên sâu sau khi kết thúc các môn học năm thứ 3, bố trí thực tập chuyên sâu theo chuyên ngành đã học ở phần tự chọn với lượng thời gian 3 tháng;

Địa điểm thực hành tại doanh nghiệp được lựa chọn trước khi đi thực hành nghề ít nhất là 1 tháng. Cần có bản thỏa thuận cam kết giữa trường và khu Resort để đảm bảo cho sinh viên được thực tập đúng nghề dưới sự hướng dẫn, giám sát của người giáo viên hướng dẫn của trường và người hướng dẫn của khu Resort được lựa chọn. Mỗi sinh viên có sổ nhật ký thực tập. Hàng ngày, người hướng dẫn thực tập của khu Resort nhận xét về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người thực tập;

+ Việc lựa chọn hình thức thực hành nghề tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành nghề cần xuất phát từ điều kiện từng trường, điều kiện hoạt động của doanh nghiệp/khu Resort theo nguyên tắc sinh viên có cơ hội được thực hành trong môi trường thực tế tốt nhất nhằm đảm bảo về thời lượng, các mục tiêu và nội dung cơ bản nói trên./.